

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 15 tháng 9 năm 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TAM ĐIỆP, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Quách Thành Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Minh;
- Bà Đinh Thu Hương.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Vũ Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa:** bà Trịnh Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: số nhà B, đường Đ, tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: anh Vũ Văn H, sinh năm: 1976;

Địa chỉ: số nhà B, đường Đ, tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

(Chị Nguyễn Thị T có mặt; anh Vũ Văn H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2005 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng anh chị

thường xuyên xảy ra cãi vã, anh H hay chửi mắng, xúc phạm vợ con. Về kinh tế, anh H không đóng góp tiền cho chị chăm lo cho gia đình, nuôi con ăn học. Sự việc vợ chồng mâu thuẫn có bố mẹ chồng chị chứng kiến và nhiều lần sang khuyên bảo, can ngăn nhưng không được. Tháng 4 năm 2022, chị có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, nhưng sau đó, chị đã rút đơn về để cho anh H cơ hội sửa đổi nhưng từ khi rút đơn về, anh H không thay đổi gì, vẫn thường xuyên đánh chửi con, không quan tâm đến gia đình, hàng tháng không đưa tiền cho chị chi tiêu, sinh hoạt trong nhà. Đến nay, chị nhận thấy anh H không có thay đổi gì mà tình trạng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn H.

Về việc nuôi con: chị và anh Vũ Văn H có 02 con chung là cháu Vũ Minh H1, sinh ngày 27/10/2006 và cháu Vũ Thị M, sinh ngày 11/12/2009. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Vũ Minh H1 và cháu Vũ Thị M.

Về cấp dưỡng nuôi con: trong quá trình giải quyết vụ án, chị yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng/cháu/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị T thay đổi về yêu cầu cấp dưỡng: yêu cầu anh Vũ Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng/cháu/tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Vũ Minh H1, cháu Vũ Thị M đủ 18 tuổi.

Về tài sản: chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Vũ Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh V vẫn hương đồng ý với trình bày của chị T về việc kết hôn giữa hai người. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau bình thường cho đến vài năm gần đây thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, do kinh tế gia đình khó khăn, bất đồng quan điểm trong việc nuôi dạy con cái nên, một phần là do chị T đi làm cả ngày về căng thẳng mệt mỏi nên khi anh dạy con chị T hay cáu gắt vô cớ, đã được cha mẹ anh khuyên bảo một vài lần. Tình trạng vợ chồng mâu thuẫn như vậy cũng diễn ra khoảng vài năm. Năm 2022, chị T có làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh nhưng sau đó, chị T đã rút đơn về. Từ sau khi chị T rút đơn về, tình trạng vợ chồng vẫn không có gì thay đổi, vẫn xảy ra cãi nhau, vợ chồng ít nói chuyện chia sẻ với nhau. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh, anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức độ phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con: anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị T 02 con chung là cháu Vũ Minh H1, sinh ngày 27/10/2006 và cháu Vũ Thị M, sinh ngày 11/12/2009. Trong trường hợp phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu Vũ Minh H1 và Vũ Thị M.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh H không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: anh Vũ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tam Điệp tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Bị đơn anh Vũ Văn H vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử:

- Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn H.

- Về nuôi con: chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H có 02 con chung là cháu Vũ Minh H1, sinh ngày 27/10/2006 và cháu Vũ Thị M, sinh ngày 11/12/2009. Giao cháu Vũ Minh H1, cháu Vũ Thị M cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi ly.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh Vũ Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/cháu/tháng, kể từ tháng 9 năm 2023 cho đến khi cháu Vũ Minh H1, cháu Vũ Thị M đủ 18 tuổi.

Về tài sản: chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn, tranh chấp việc nuôi con khi ly hôn với anh Vũ Văn H có nơi cư trú tại số nhà B, đường Đ, tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn anh Vũ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn

vắng mặt không có lý do tại phiên toà, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt anh Vũ Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2005 tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Ninh Bình theo đúng quy định của pháp luật về điều kiện và thủ tục kết hôn nên hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H là hợp pháp.

Căn cứ vào trình bày của nguyên đơn, ý kiến của đại diện gia đình đương sự, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú, lấy ý kiến đại diện gia đình anh H, ý kiến các con và cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và trẻ em ở địa phương, đã có đủ căn cứ xác định: trong khoảng vài năm trở lại đây, trong quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra tình trạng bất đồng quan điểm, anh H hay uống rượu về khuya chửi bới vợ con, tiền công lao động anh H tự sử dụng hết mà không đóng góp cho chị T để nuôi dạy con, sự việc kéo dài nhiều năm, đã được cha mẹ anh H khuyên bảo nhiều lần, năm 2022, chị T đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H, nhưng sau đó rút đơn về để vợ chồng chung sống, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng tình trạng nêu trên vẫn không thay đổi. Nhưng từ khi rút đơn về, tình trạng vợ chồng vẫn không thay đổi mặc dù được bố mẹ chồng hòa giải nhiều lần.

Như vậy, anh H không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình. Anh H thường xuyên uống rượu về khuya, chửi bới vợ con là biểu hiện của hành vi bạo lực gia đình theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình, làm cho tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

[3] Về việc nuôi con sau ly hôn

Chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H có 02 con chung là cháu Vũ Minh H1, sinh ngày 27/10/2006 và cháu Vũ Thị M, sinh ngày 11/12/2009. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu. Từ trước đến nay, chị T là người trực tiếp chăm sóc các cháu, có công việc và thu nhập ổn định, còn mấy năm gần đây anh H có hành động uống rượu về khuya chửi bới vợ con, công việc và thu nhập không ổn định xét tình cảm và sự chăm sóc con của các đương sự và nguyện vọng của các cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.00 đồng/cháu/tháng, căn cứ vào mức sống ở địa

phương, thu nhập và công của anh H, thấy mức cấp dưỡng như chị T yêu cầu là phù hợp cần chấp nhận.

[4] Về tài sản: chị Nguyễn Thị T và anh Vũ Văn H không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Vũ Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Vũ Văn H.

1. Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về việc nuôi con

Giao 02 con chung là cháu Vũ Minh H1, sinh ngày 27/10/2006 và cháu Vũ Thị M, sinh ngày 11/12/2009 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Hằng tháng, anh Vũ Văn H phải cấp dưỡng cho cháu Vũ Minh H1 và cháu Vũ Thị M mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng (một triệu đồng trên một tháng) kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể

từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2021/0002742 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Anh Vũ Văn H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Tam Điệp;
- Chi cục THA dân sự thành phố Tam Điệp;
- UBND phường Trung Sơn, TP Tam Điệp;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)
Quách Thành Trung**